

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 60/TTr-STC ngày 09 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2018 và thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có

liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *lg*

- Chính phủ;
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- TT: TU, HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

26

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

19. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2018/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, gồm các lĩnh vực: Bình ổn giá, định giá của Nhà nước, hiệp thương giá, kiểm tra các yếu tố hình thành giá, kê khai giá, niêm yết giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Giá, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP), Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Thông tư số 56/2014/TT-BTC), Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá (gọi tắt là Thông tư số 233/2016/TT-BTC) và quy định riêng của pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

2. Danh mục mặt hàng cụ thể như phân đạm urê, phân NPK; thuốc bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ; vac-xin phòng bệnh cho gia súc gia cầm; muối ăn; đường ăn; thóc, gạo tẻ thường; sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế tại Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các mặt hàng thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện bình ổn giá và kê khai giá; Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BYT-BTC-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giá thuốc dùng cho người.

Điều 4. Các biện pháp bình ổn giá

1. Trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ trên địa bàn tỉnh

a) Sở Tài chính, Sở Công Thương, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá, báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý;

b) Khi giá cả thị trường các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý, Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Công Thương, các Sở quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện:

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về công bố theo thẩm quyền các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc địa phương quản lý;

Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá có biến động bất thường và Chính phủ đã có quyết định biện pháp bình ổn giá, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan thực hiện:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc địa phương quản lý;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định.

Điều 5. Thực hiện đăng ký giá để bình ổn giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi về Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành. Cách thức thực hiện đăng ký giá theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện đăng ký giá

1. Các Sở: Tài chính, Công Thương, Y tế chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện vào ngày 24 hàng tháng để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cấp trên.

3. Các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì rà soát, đề xuất danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký giá, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký giá thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký giá, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP do các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi đến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá

1. Thẩm quyền định giá

Giá hàng hóa, dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh định giá được quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm xây dựng phương án giá:

a) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám, chữa bệnh đối với cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh BHYT);

b) Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Bảng giá các loại đất;

Giá giao đất, giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với thửa đất hoặc khu đất có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên (tính theo giá đất quy định trong Bảng giá đất);

Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

Giá tính thuế tài nguyên.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Giá rừng: bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

Bảng giá bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây trái áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất;

Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý;

Biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn.

đ) Sở Xây dựng:

Bảng giá nhà, công trình, vật kiến trúc áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh làm cơ sở để bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất;

Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và giá cho thuê nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước;

Giá thuê, thuê mua, giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

Biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực đô thị, khu công nghiệp.

e) Sở Công Thương:

Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

g) Sở Giao thông vận tải:

Giá cụ thể đối với sản phẩm dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh;

Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý;

Khung giá đối với dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý;

Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa.

h) Các sở quản lý ngành: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

g) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành.

3. Quy trình phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc trình, thẩm định và quyết định giá được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, khoản 6 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC, cụ thể:

a) Cơ quan được phân công trách nhiệm tại Khoản 2 Điều này hoàn chỉnh phương án giá, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành, đơn vị có liên quan, tổng hợp, hoàn chỉnh lại phương án giá theo ý kiến đóng góp và gửi về Sở Tài chính đề nghị thẩm định:

Đối với trường hợp thẩm định Bảng giá đất, phương án giá đất cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

Đối với Biểu giá nước sạch sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá, Sở Tài chính có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá;

c) Cơ quan được phân công trách nhiệm tại Khoản 2 Điều này căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định giá, điều chỉnh giá hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giá;

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của các cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giá hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giá.

4. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá:

a) Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và giá thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì cơ quan được phân công xây dựng phương án giá tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh giá;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Văn bản kiến nghị điều chỉnh giá của các tổ chức, cá nhân phải nêu rõ lý do, cơ sở xác định mức giá và gửi về cơ quan được phân công xây dựng phương án giá tại khoản 2 Điều này để được xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Điều kiện và trách nhiệm hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán;

b) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức việc hiệp thương, thông báo kết quả hiệp thương giá bằng văn bản về mức giá được thỏa thuận cho các bên.

Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì Sở Tài chính quyết định giá tạm thời để hai bên thi hành.

Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện. Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

4. Hồ sơ và trình tự, thủ tục hiệp thương giá: thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Mục 4

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 9. Trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Sở Tài chính, Sở Công Thương, các sở quản lý ngành chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá và xử lý vi phạm đối với từng trường hợp cụ thể theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13; Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại Điều 12; khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Mục 5

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 10. Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá, trách nhiệm và biện pháp thực hiện

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và nội dung hướng dẫn tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC, cụ thể:

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, i, o khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm m khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, l, m, n, o khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện vào ngày 24 hàng tháng để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cấp trên;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

3. Các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì rà soát, đề xuất danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương tại từng thời điểm, tham mưu đề xuất bổ sung một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù phải thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan:

a) Tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân phải thực hiện kê khai giá và tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Căn cứ danh sách đề xuất bổ sung các loại hàng hóa, dịch vụ đặc thù phải thực hiện kê khai giá trên thực tế của từng địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung cho phù hợp.

Điều 11. Quy định niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết;

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tham gia phối hợp cùng Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành quy định của pháp luật về giá;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về quản lý giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này; triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, biện pháp, quyết định về giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý ngành và địa bàn quản lý.

3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật quy định áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. / *lg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PH. CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng